TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 – 9 – 2022
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Dũng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út H, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ông Danh Quốc C**; Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 265 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông C vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn*: **Bà Dương Thị D**; Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 15, xóm N, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S (Bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Danh Quốc C trình bày:

Ông với bà Dương Thị D tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và cũng trong năm 2011, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 11 tháng 02 năm

2011. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ruột bà D ở số 15, xóm N, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã. Năm 2020, sau khi cãi nhau với bà D thì ông C đã về nhà cha mẹ ruột ông ở số 265 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S sinh sống cho đến nay. Từ khi không còn sống chung với nhau, bà D cũng không hề gặp ông C để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, ông C với bà D có một con chung là Danh Quốc L, sinh ngày 15/4/2012 đang sống với bà D.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông Danh Quốc C yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị D.

- Về con chung: Ông C đồng ý cho bà D được trực tiếp nuôi con và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Dương Thị D không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 206/TB-TLVA ngày 29 tháng 7 năm 2022, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà D nhưng bà D không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông C. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Danh Quốc C ly hôn với bà Dương Thị D. Về con chung: Giao con chung cho bà Dương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Danh Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Danh Quốc C và bà Dương Thị D đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn bà D mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông C và bà D.

[2] Về nội dung: Ông Danh Quốc C và bà Dương Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 11 tháng 02 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà D là hợp pháp. Nguyên đơn ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án cho ly hôn với bà D, đồng ý để bà D được nuôi cháu Danh Quốc L và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét lý do xin ly hôn của ông C, Hội đồng xét xử xét thấy, ông C và bà D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Danh Quốc C yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị D là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Danh Quốc L, sinh ngày 15/4/2012 đang sống cùng bà D. Theo văn bản đề ngày 29/8/2022, cháu Luân có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Xét thấy, từ khi bà D và ông C không còn sống chung thì cháu Luân sống chung với bà D, do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Luân cho bà D nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Luân mỗi tháng là 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông C.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn và chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Quốc C.

- Về hôn nhân: Ông Danh Quốc C được quyền ly hôn với bà Dương Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Danh Quốc L, sinh ngày 15/4/2012 cho bà Dương Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Danh Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Danh Quốc C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Dương Thị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Danh Quốc C. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Danh Quốc C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Danh Quốc L mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu Danh Quốc L đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2022. Bà Dương Thị D là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Danh Quốc C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ông Danh Quốc C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004094 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, ông Danh Quốc C phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-UBND xã T, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân